TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2021/HS- ST
Ngày 09-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc S
Ông Trần Anh D
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Kim O - Kiểm sát viên .

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Dương Văn Đại Ph, sinh năm 1992

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Q và bà: Thân Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 06/10/2020 bị Công an xã Ng, huyện T xử phạt hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" chưa chấp hành nộp phạt.

- Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Nh và bà: Nguyễn Thị T; vợ: Đoàn Thị Th; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 23/12/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Thân Văn Đ, sinh năm 1995

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc G; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thân Nhân S và bà: Dương Thị H; vợ: Dương Thị Th; con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định số 09/2018/QĐ-TA ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 2 năm. Chấp hành xong ngày 21/10/2020.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/01/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1995

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu H và bà: Giáp Thị Á; vợ: chưa có; con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/01/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh B;

- Anh Tạ Xuân N, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn G, xã S, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh B;

- Anh Vi Văn H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: bản R, xã T, huyện Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/12/2020, Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 trú tại thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 98L3-7290 đến nhà Dương Văn Đại Ph, sinh năm 1992 trú tại thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B để chơi. Do không có tiền mua ma túy để sử dụng nên Th rủ Ph đi cắm chiếc dây chuyền bạc của Th được 150.000 đồng, sau khi cắm dây chuyền xong, Ph chở Thiết lên khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T mua 100.000 đồng tiền ma túy của một người đàn ông không quen biết, sau đó Th và Ph cùng nhau sử dụng hết. Sau khi sử dụng ma túy xong thì Ph điều khiển xe mô tô của Th chở Th về nhà Ph, trên đường đi Ph nói với Th "Đi kiếm đồ bán lấy tiền chuộc dây chuyền" (Th hiểu ý Ph nói là đi trộm cắp). Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày Ph đi qua cổng nhà chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 ở cùng thôn với Ph, khi đi qua cổng nhà chị L được khoảng 20 mét. Thấy nhà chị L đóng cửa không có ai ở nhà Ph dừng xe lại xuống xe và bảo Th đứng đợi, Th biết là Ph bảo Th đợi để Ph vào nhà chị L trộm cắp tài sản. Ph đi qua hàng rào vào nhà chị L, Ph phát hiện một con chó giống cái, lông màu đen-vàng loại chó ta đang nằm ở sân, Ph nảy sinh ý định trộm cắp con chó. Ph quay ra bên ngoài khu vực nhà chị L tìm nhặt được một đoạn ống kim loại ở phía bên ngoài hàng rào nhà chị L, sau đó Ph cầm đoạn ống kim loại vào nhà chị L rồi đi đến gần chỗ con chó, Ph cầm ống kim loại đập nhiều nhát vào vùng cổ con chó làm con chó chết. Đúng lúc này chị Lệcùng hai người bạn là Vi Văn H, sinh năm 1996 ở bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắ và anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1993 ở thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh B về đến cổng nhà chị L. Chị L nhìn thấy có người ở trong sân nhà mình nên đã hô "trộm", thấy vậy Ph liền bê con chó chạy qua hàng rào ra cánh đồng khu vực cổng nhà Ph. Còn Th nghe thấy tiếng hô trộm nên Thiết nổ xe bỏ chạy về khu vực cổng nhà Ph. Gặp Th, Ph để con chó chỗ Th đứng, Ph đi về nhà cất ống kim loại rồi lấy một chiếc bao tơ dứa mang ra chỗ Th cho con chó vào bao, sau đó Ph điều khiển xe mô tô chở Th cùng con chó đến nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 ở thôn G, xã S, huyện T, đến nhà anh B, Th đứng bên ngoài chờ, còn Ph bê con chó vào nhà anh B bán cho anh B, anh B hỏi nguồn gốc con chó thì Ph bảo là chó của nhà nên anh B đồng ý mua với giá 750.000 đồng, Ph đồng ý bán. Anh B trả cho Phương 750.000 đồng, Ph cầm tiền và đi ra chỗ Th đợi rồi điều khiển xe mô tô chở Th lên khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T mua 500.000 đồng tiền ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ, sau đó Ph và Th đi về nhà Ph. Số ma túy mua được Ph và Th đã sử dụng

hết, sau đó Ph đưa cho Th160.000 đồng để Th chuộc lại dây chuyền, số tiền còn lại Ph và Th sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/12/2020, chị L có làm đơn trình báo Công an xã S, huyện T về việc gia đình chị bị mất một con chó cái, lông đen-vàng, loại chó ta có trọng lượng khoảng 13kg.

Ngày 23/12/2020, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Ph và Th đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú, đồng thời Ph giao nộp 01 ống kim loại hình trụ, sáng màu, đường kính 02cm, dài 67cm. Th tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, màu nâu biển kiểm soát 98L3-7290 cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 80/KL-ĐGTS ngày 25/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 con chó lông màu đen – vàng, giống cái, loại chó ta, trọng lượng khoảng 13 kg trị giá 975.000 đồng (Chín trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài hành vi cùng Th trộm cắp chó của gia đình chị L ra thì Dương Văn Đại Ph còn cùng với Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th cùng sinh năm 1995 đều ở thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của gia đình nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 ở thôn H, xã S, huyện T. Ngoài ra Thân Văn Đ cùng Nguyễn Hữu Th cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của gia đình bà H cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 giờ ngày 07/12/2020, Thân Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus biển kiểm soát 98B1-948.93 đến nhà Dương Văn Đại Ph chơi. Tại đây, Đ rủ Ph đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, Ph đồng ý. Khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô chở Ph đi qua cổng nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 ở cùng thôn thấy tiếng chó sủa, Đ thấy cổng và cửa nhà bà H đóng, không thấy ai ở nhà, Đ nảy sinh trộm cắp con chó của gia đình bà H. Đ đỗ xe lại cách cổng nhà bà H khoảng 50 mét, Đ bảo Ph đứng ở ngoài cảnh giới, còn Đ trèo tường bao vào bên trong nhà bà H, Đ đi đến chiếc cũi chó bằng sắt thấy bên trong có một con chó đực, màu đen, loại chó lai nặng khoảng 10kg ở bên trái cổng theo hướng đi vào chỉ đóng cửa không khóa, Đ mở cánh cửa cũi chó ra và ôm con chó ra khỏi cũi sắt rồi bê con chó để lên đỉnh bờ tường rồi Đ trèo lên đỉnh bờ tường rào ôm con chó nhảy xuống đất ra đưa con chó cho Ph, sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở Ph ôm con chó về cổng nhà Ph. Ph về nhà lấy một bao tơ dứa ra cùng Đcho con chó vào trong bao, sau đó Đ và Ph mang con chó đến nhà anh Nguyễn Văn B,

sinh năm 1991 ở thôn G, xã S, huyện T mục đích để bán chó cho anh B. Khi đến nhà anh B thì Ph đứng bên ngoài, còn Đ vào nhà anh B bán con chó cho B được 450.000 đồng. Đ cầm tiền của B trả, sau đó đi ra cổng điều khiển xe mô tô chở Ph đến khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T mua 02 tép ma túy với giá 200.000 đồng của một người đàn ông không quen biết. Sau khi mua ma túy xong, Đ chở Ph về, trên đường về thì Đ đưa cho Ph 01 tép ma túy, số tiền còn lại Đ sử dụng ăn tiêu cá nhân hết, số ma túy Ph và Đ đã sử dụng hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/12/2020, Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th cùng nhau đi xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 948.93 đến nhà Dương Văn Đại Ph rủ Ph đến nhà bà Nguyễn Thị H trộm cắp gà bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Sau đó, Ph cầm theo một bao tải dứa rồi cùng Đ và Th đi bộ đến nhà bà H (cách nhà Ph khoảng 500 mét). Khi đến nhà bà H, lúc này khoảng 19 giờ 40 phút, thấy nhà bà H khóa cổng, đóng cửa, Th trèo qua bờ tường rào vào phía trong vườn, đi đến khu vực chăn nuôi gà để bắt trộm gà, còn Đ trèo và ngồi trên đỉnh bờ tường rào, Ph ở phía ngoài tường rào cầm bao và cảnh giới. Th mở chốt cửa chuồng gà vào bên trong chuồng gà nhà bà H dùng tay bắt được 05 con gà lai chọi xách ra đưa cho Đ rồi Đ chuyển số gà cho Ph cho gà vào bao. Sau đó Th trèo tường rào ra ngoài cùng Ph và Đ đi bộ mang gà về nhà Ph. Thiện lấy xe mô tô của Đ chở Đ xách bao gà vừa trộm cắp được đến khu vực thôn Sơ, xã L, huyện H, tỉnh B bán cho một người không quen biết được 500.000 đồng, đồng thời Th mua 02 tép ma túy của người đàn ông đó hết 300.000 đồng, sau đó Th và Đ về nhà Ph cùng P sử dụng ma túy.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày 09/12/2020, khi Ph đang ngủ Đ và Th lại rủ nhau đến nhà bà H trộm cắp gà bán lấy tiền mua ma túy, khi đi Đ và Th mang theo 02 chiếc bao tơ dứa. Đ và Th đi bộ đến nhà bà H rồi cùng nhau trèo tường vào trong khu vực nuôi gà của gia đình bà H, Đ cầm bao đứng bên ngoài còn Th bắt từng con gà lần lượt cho vào bao, Đ và Th bắt được 15 con gà lai chọi cho vào 2 bao tơ dứa, sau đó Th và Đ buộc bao gà lại mỗi người xách một bao gà đi ra khu tường rào để bao gà lên đỉnh bờ tường rào rồi trèo lên tường rào xách bao gà nhảy xuống đất và đi bộ về cổng nhà Ph. Đ giữ hai bao gà, Th vào nhà Ph lấy xe mô tô của Đ rồi chở Đ cùng số gà trộm cắp được mang đến nhà ông Tạ Xuân N, sinh năm 1966 ở thôn G, xã S, huyện T, Th gọi ông N dậy và bảo ông Ncó mua gà không Th bán cho, ông N hỏi nguồn gốc gà thì Th bảo gà của nhà nên ông N đồng ý mua với giá 50.000 đồng/01 kg, ông N cân toàn bộ số gà lên được 30kg, ông N

trả 1.500.000 đồng cho Th, Th nhận tiền rồi điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến khu vực thôn T, xã N, huyện T mua 200.000 đồng ma túy của một người không quen biết, sau đó Th và Đ về nhà Ph rồi cả ba cùng nhau sử dụng ma túy.

Vụ thứ tư: Sau khi sử dụng ma túy xong thì Đ, Th và Ph tiếp tục rủ nhau đến nhà bà H trộm cắp gà. Khoảng 01 giờ 00 ngày 10/12/2020, Đ, Th và Ph đi bộ đến nhà bà H, khi đi Ph mang theo 01 chiếc bao tơ dứa, khi đến nhà bà H thì cả ba trèo tường rào vào trong nhà bà H rồi đi đến chuồng gà của gia đình bà H, Đ cầm bao còn Ph và Th bắt được 05 con gà lai chọi cho vào bao rồi cùng nhau trèo tường ra ngoài đi bộ về khu vực cổng nhà Ph. Khi về đến cổng nhà Ph thì Th vào nhà Ph lấy xe mô tô của Đ chở Ph và Đ cùng số gà trộm cắp được mang đến nhà ông N để bán cho ông N. Khi đến nhà ông N, Th gọi ông N dậy và Th vào nhà ông N, còn Ph và Đ đứng bên ngoài, Th vào nhà ông N cân số gà lên được 10kg, ông N trả cho Th 500.000 đồng, Th cầm tiền và đi ra chỗ Đ và Ph, sau đó Đ điều khiển xe chở Th và Ph đi lên khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T. Tại đây, Th mua 04 tép ma túy hết 400.000 đồng của một người đàn ông không quen biết, sau đó cả ba đi về nhà Ph. Trên đường về Th đưa cho Đ và Ph mỗi người 01 tép ma túy, Th cầm 02 tép, số ma túy trên Th, Đ và Ph đã sử dụng hết.

Số tiền bán gà được Th đưa cho Đoàn 500.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng Th và Đ cùng nhau ăn tiêu hết.

Ngày 06/01/2021, bà H có làm đơn trình báo Công an huyện T về việc ngày 07/12/2020 gia đình bà bị mất 01 con chó nặng khoảng 10kg và 25 con gà lai chọi, trong đó 24 con gà mái và 01 con gà trống mỗi con nặng khoảng 2,5kg. Cùng ngày 06/01/2021 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Th và Đ đến Công an huyện T đầu thú.

Quá trình điều tra Th, Đvà Phđều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04/KL-ĐGTS ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 25 (hai mươi lăm) con gà, gồm 24 con gà mái và 01 con gà trống; giống lai chọi có màu lông xám, vàng, trọng lượng mỗi con khoảng 2,5kg, tổng cộng khoảng 60 kg trị giá 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-ĐGTS ngày 13/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

01 (một) con chó lông màu đen, giống đực, loại chó lai, trọng lượng khoảng 10kg (mười ki lô gam) trị giá: 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Dương Văn Đại Ph về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Dương Văn Đại Ph từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm gian ngày 23/12/2020. Xử phạt Nguyễn Văn Th từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh B là 08 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án 18 tháng tù đến 20 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2020. Xử phạt Thân Văn Đ từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm gian ngày 06/01/2021. Xử phạt Nguyễn Hữu Th từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm gian ngày 06/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Dương Văn Đại Ph phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 487.500 đồng. Bị cáo Ph phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 775.000 đồng. Bị cáo Th phải bồi thường cho chị L số tiền 487.500 đồng. Bị cáo Đ phải bồi thường cho bà H số tiền 1.675.000 đồng. Bị cáo Th phải bồi thường cho bà H số tiền là 1.300.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị H trình bày: từ ngày 07/12/2020 đến ngày ngày 09/12/2020 bị cáo Ph, Th, Đ đã trộm cắp 01 con chó và 25 con gà của gia đình bà. Đến nay bà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bà đối với giá trị các bị cáo trộm cắp với tổng số tiền là 3.750.000 đồng theo như cáo trạng truy tố của viện kiểm sát nhân dân huyện T. Bị cáo trộm cắp lần nào thì phải bồi thường giá trị trộm cắp lần đó. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Th trình bày: chị là vợ của bị cáo Th. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, biển kiểm soát 98L3-7290 là tài sản chung của vợ chồng chị. Chị không biết bị cáo Th dùng chiếc xe mô tô bị thu giữ để đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Đến nay chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình chiếc xe mô trên để lấy phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại chị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Quá trình điều tra, bà H khai số gà bị mất mỗi con gà có trọng lượng khoảng 2,5kg. Tuy nhiên các bị cáo xác nhận trọng lượng mỗi con gà nặng khoảng 02kg, mặt khác sau khi trộm cắp được gà thì Th là người trực tiếp bán gà cho ông N 02 lần, Thiện và ông N đều khẳng định khi mua bán Đ và ông N đều cân gà tổng cộng 2 lần là 40 kg, còn 05 con gà Đ và Th bán cho một người ở khu vực xã H, huyện H, Đ và Th không cân, do vậy lời khai của bà H về trọng lượng mỗi con gà là 2,5kg là không có căn cứ. Tại phiên tòa bà H nhất trí với bản cáo trạng truy tố của viện kiểm sát nhân dân huyện T về giá trị tài sản gia đình bà bị các bị cáo trộm cắp là 3.750.000 đồng là phù hợp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:Trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2020 đến ngày 22/12/2020, Dương Văn Đại Ph, sinh năm 1992 ở thôn H, xã S, huyện T là người đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản đã cùng với Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th đều sinh năm 1995 ở cùng thôn với Ph thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 ở thôn H, xã S, huyện T. Ngoài ra Dương Văn Đại Ph cùng với Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 ở thôn Ng, xã L, huyện T là người đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của gia đình chị Nguyễn Thị L, sinh năn 1985 ở cùng thôn. Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo Dương Văn Đại Ph thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với

tổng giá trị tài sản 2.925.000 đồng.Thân Văn Đ và Nguyễn Hữu Th thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian có tổng giá trị tài sản 3.000.000 đồng. Nguyễn Văn Th thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị giá 975.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Ph, Th, Đ là người có nhân thân không tốt. Bị cáo Ph đã bị xử phạt hành chính, bị cáo Th bị kết tội bằng bản án của tòa án. Bị cáo Đ đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 2 năm.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Đ, Th, Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Ph là người đã bị xử phạt hành chính ngày 06/10/2020 về hành vi " trộm cắp tài sản" đã cùng với bị cáo Đ, Th thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của gia đình bà H. Ngoài ra Ph cùng với Th thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của gia đình chị L nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đ, Ph, Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện phạm tội, các bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Đ có thời gian tham gia quân đội từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 12 năm 2017. Tại phiên tòa bị hại bà H xim giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo Ph, Th, Đ, Th đều cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo Ph đã thực hiện 4 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 2.925.000 đồng. Bị cáo Đ và Th thực hiện 3 vụ trôm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản 3.000.000 đồng. Bị cáo Th thực hiện 1 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 975.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị

hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với Nguyễn Văn B: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã đấu tranh với B, B chỉ thừa nhận mua chó của Ph vào ngày 22/12/2020 với giá 750.000 đồng, ngoài ra B không thừa nhận mua chó của Đ vào ngày 07/12/2020. Tuy nhiên hiện nay B vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không tiến hành cho Đ, Ph và Th đối chất với B được, mặt khác khi đến bán chó cho B, Đ và Ph đều không nói cho B biết con chó trên do Đ và Ph phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với B về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[6] Đối với người đàn ông mua gà và bán ma túy cho Đ và Th ở khu vực thôn S, xã L, huyện H, tỉnh B và người đàn ông bán ma túy ở khu vực thôn T, xã Ng, huyện T và người đàn ông bán ma túy ở khu vực ngã tư thị trấn Nh, huyện T do Đ, Th, Ph và Th không biết đặc điểm, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành xác minh, làm rõ được những người bán ma túy cho Đ, Ph, Th, Th là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan đến những người đàn ông bán ma túy cho Đ, Ph, Th và Th ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ xem xét xử lý sau.

[7] Đối với Thân Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 con chó của gia đình bà H ngày 07/12/2020, tuy nhiên giá trị tài sản trộm cắp dưới hai triệu đồng, bản thân Đ chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi trộm cắp 01 con chó ngày 07/12/2020 của Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 20/02/2021 Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng đối với Đ về hành vi trộm cắp này.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Thân Văn Đ, Dương Văn Đại Ph, Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Văn Th, ngày 20/02/2021 Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền mỗi bị cáo 1.000.000 đồng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đến nay chị L yêu cầu Ph và Th phải bồi thường cho chị số tiền 975.000 đồng. Bà H yêu cầu Đ, Ph, Th phải bồi thường thiệt hại cho bà tổng số tiền 3.750.000 đồng. Bà yêu cầu các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với giá trị các lần trộm cắp. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị L và bà H. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường của chị

L, bà H đối với các bị cáo là phù hợp nên cần buộc bị cáo Ph bồi thường cho chị L số tiền 487.500 đồng, bồi thường cho bà Hường số tiền 775.000 đồng. Bị cáo Th bồi thường cho chị L số tiền 487.500 đồng. Bị cáo Đ bồi thường cho bà H số tiền 1.675.000 đồng. Bị cáo Th bồi thường cho bà H số tiền 1.300.000 đồng.

[10] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, biển kiểm soát 98L3-7290 thu giữ của Th. Cơ quan điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô này đăng ký mang tên Đoàn Thế H, sinh năm 1976 ở thôn Ng, xã H, huyện H, tỉnh B. Tuy nhiên anh H đã bán chiếc xe mô tô này cho một người đàn ông không nhớ, tên, tuổi, địa chỉ ở xã L, huyện T, Cơ quan điều tra đã tra cứu xác định chiếc xe mô tô này không nằm trong xe vật chứng vụ án. Chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Th và chị Đoàn Thị Th. Khi bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp và đi tiêu thụ tài sản trộm cắp thì chị Th không biết nên cần trả lại chiếc xe ô tô trên cho chị Th là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-948.93 là tài sản của Thân Văn Đ. Đ đã sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô trên.

Đối với 01 ống kim loại hình trụ, sáng màu đường kính 02cm, dài 67cm là do Ph nhặt được, Ph đã sử dụng làm công cụ để trộm cắp cắp tài sản cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: bị cáo Ph, Đ, Th, Th mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Dương Văn Đại Ph.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Th.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Thân Văn Đ, Nguyễn Hữu Th.

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Đại Ph, Nguyễn Văn Th, Thân Văn Đ, Nguyễn Hữu Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Đại Ph 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh B là 08 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2020.

Xử phạt: Bị cáo Thân Văn Đ 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Th 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2021.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Ph, Th, Th, Đ.

2.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Dương Văn Đại Ph và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 487.500 đồng.

Bị cáo Dương Văn Đại Ph phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 775.000 đồng.

Bị cáo Thân Văn Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.675.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu Th phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống kim loại hình trụ, sáng màu đường kính 02cm, dài 67cm một đầu được hàn kín đã niêm phomg.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu đen trắng biển kiểm soát 98B1-948.93, số máy 04820, số khung 078206.

Trả lại cho chị Đoàn Thị Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, mầu nâu biển kiểm soát 98L3-7290, số máy 055700, số khung 055700 .

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Ph, Th, Đ, Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị O